

# KẾT QUẢ CHÍNH THỨC TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2016

**T**ổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 được tiến hành trên phạm vi cả nước vào thời điểm 01/7/2016 theo Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Cuộc Tổng điều tra có quy mô lớn, liên quan tới 8.978 xã và 79.898 thôn; gần 16,0 triệu hộ nông thôn và trên 1,0 triệu hộ thành thị hoạt động nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản; gần 33,5 nghìn trang trại và nhiều đơn vị điều tra khác. Cuộc Tổng điều tra còn thu thập, xử lý, tổng hợp và cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản được lồng ghép trong Điều tra doanh nghiệp năm 2016 của Tổng cục Thống kê.

Để tiến hành cuộc Tổng điều tra, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp đã huy động trên 18 vạn điều tra viên, tổ trưởng và giám sát viên tham gia liên tục từ 01/7/2016 đến 30/7/2016. Cuộc Tổng điều tra đã thực hiện thành công, đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Kết quả khái quát như sau:

*Kết cấu hạ tầng nông thôn được tăng cường*

Trong 5 năm 2011-2016, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương đã triển khai có hiệu quả

nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Bộ mặt nông thôn có sự biến đổi sâu sắc, nhất là kết cấu hạ tầng.

Tỷ lệ xã có điện tăng từ 99,8% năm 2011 lên 100% năm 2016. Cả nước có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đưa điện tới tất cả các thôn.

Hệ thống giao thông nông thôn ngày càng thông suốt. Tại thời điểm 01/7/2016, cả nước có 8.927 xã có đường ô tô kết nối UBND xã với UBND huyện, chiếm 99,4% tổng số xã, tăng 0,8 điểm phần trăm so với tỷ trọng năm 2011; gần 74,9 nghìn thôn có đường ô tô kết nối với trụ sở UBND xã, chiếm 93,7% tổng số thôn, tăng 4,1 điểm phần trăm.

Hệ thống trường mầm non và trường phổ thông các cấp được quy hoạch lại, bảo đảm phù hợp với sự biến động về số lượng học sinh. Theo kết quả Tổng điều tra năm 2016, cả nước có 8.920 xã có trường mầm non, chiếm 99,4% tổng số xã, tăng 3,1 điểm phần trăm so với năm 2011; 8.914 xã có trường tiểu học, chiếm 99,3% và giảm 0,2 điểm phần trăm; 8.221 xã có trường trung học cơ sở, chiếm 91,6%, giảm 1,3 điểm phần trăm; 1.139 xã có trường trung học phổ thông, chiếm 12,7% và giảm 0,2 điểm phần trăm.

Hệ thống thiết chế văn hóa thông tin đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tiếp cận thông tin của dân cư khu vực nông thôn. Cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông tiếp tục được tăng cường. Cơ sở hạ tầng y tế ngày càng được bổ sung, hoàn thiện. Năm 2016, cả nước có 8.930 xã có trạm y tế, chiếm 99,5% tổng số xã. Bên cạnh trạm y tế xã, khu vực nông thôn còn có 3.034 xã có cơ sở y tế khác (bệnh viện; trung tâm y tế; phòng khám đa khoa, chuyên khoa; phòng khám chữa bệnh đông y), chiếm 33,8% tổng số xã.

Hệ thống cung cấp nước sạch và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung tiếp tục được đầu tư xây dựng.

*Hình thức hỗ trợ kinh tế nông thôn ngày càng đa dạng*

Hệ thống tín dụng, ngân hàng thực sự trở thành nguồn cung ứng vốn quan trọng thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển. Tại thời điểm Tổng điều tra, khu vực nông thôn có 1.806 xã có ngân hàng, chi nhánh ngân hàng và quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động, chiếm 20,1% tổng số xã, tăng 0,6 điểm phần trăm so với năm 2011.

Hệ thống thủy nông được xây dựng mới và hoàn thiện. Tính đến 01/7/2016, trên địa bàn nông thôn có 18,1 nghìn trạm bơm phục vụ







sản xuất và dân sinh, bình quân mỗi xã có 2,0 trạm bơm, tăng 0,3 trạm/xã so với năm 2011. Kênh mương do xã và hợp tác xã quản lý có 193,0 nghìn km, bình quân mỗi xã có 21,5 km, tăng 12,5% so với mức bình quân 19,1 km/xã năm 2011.

Mạng lưới khuyến nông, khuyến ngư ở các địa phương được củng cố. Năm 2016, cả nước có 8.202 xã có cán bộ khuyến nông, lâm nghiệp và ngư nghiệp, chiếm 91,4% tổng số xã, tăng 3,3 điểm phần trăm so với năm 2011, bình quân mỗi xã có 1,14 người, tăng 0,08 người/xã.

Các dịch vụ hỗ trợ khác cũng phát triển rộng khắp. Hệ thống chợ truyền thống và chợ dân sinh được củng cố, góp phần đẩy mạnh giao lưu hàng hóa trên địa bàn nông thôn.

*Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch tích cực, theo hướng nâng cao dần tỷ trọng ngành nghề phi nông, lâm nghiệp và thủy sản*

Tại thời điểm 01/7/2016, trên địa bàn nông thôn cả nước có 15,99 triệu hộ và 31,02 triệu người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động. So với năm 2011, tăng 0,64 triệu hộ, nhưng giảm 0,98 triệu lao động. Số hộ và số lao động nông thôn trong những năm vừa qua không chỉ biến động về lượng, mà quan trọng hơn là đã có sự chuyển dịch dần sang hoạt động phi nông, lâm nghiệp và thủy sản. Đây là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng.

Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dần sang các hoạt động phi nông, lâm nghiệp và thủy sản thể hiện trước hết ở sự chuyển dịch cơ cấu hộ. Năm 2016, khu vực nông thôn có 8,58 triệu hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 53,7% tổng số hộ, giảm 8,5 điểm phần trăm so với năm 2011; 6,4 triệu hộ phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 40,0% tổng số

hộ và tăng 6,6 điểm phần trăm; 1,01 triệu hộ khác, chiếm 6,3%, tăng 1,9 điểm phần trăm.

Phân bổ lao động làm việc trong những năm vừa qua cũng thể hiện việc cơ cấu lại kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao tỷ trọng khu vực phi nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tại thời điểm 01/7/2016, trên địa bàn nông thôn có 15,94 triệu người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động hoạt động chính là sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 51,4% tổng số lao động nông thôn, giảm 8,2 điểm phần trăm so với năm 2011; 14,21 triệu người hoạt động chính trong các ngành nghề phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 45,8% tổng số lao động và tăng 6,9 điểm phần trăm; 0,87 triệu người không hoạt động kinh tế, chiếm 2,8%, tăng 1,3 điểm phần trăm.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn còn thể hiện ở sự chuyển dịch cơ cấu hộ theo thu nhập. Tại thời điểm 01/7/2016 có 7,66 triệu hộ có thu nhập lớn nhất từ nông, lâm nghiệp và thủy sản trong 12 tháng qua, chiếm 47,9% tổng số hộ nông thôn, giảm 9,1 điểm phần trăm so với năm 2011; 7,07 triệu hộ có thu nhập lớn nhất từ hoạt động phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 44,2% và tăng 7,5 điểm phần trăm; 1,25 triệu hộ có thu nhập lớn nhất từ các nguồn khác, chiếm 7,9%, tăng 1,7 điểm phần trăm.

*Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới triển khai rộng khắp, đạt kết quả quan trọng*

Theo kết quả Tổng điều tra, đến thời điểm 01/7/2016, cả nước có 2.060 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 23,1% tổng số xã thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và chiếm 22,9% tổng số xã khu vực nông thôn. Ngoài ra còn 139 xã đạt toàn bộ 19 tiêu chí về nông thôn mới,

đang chờ cấp có thẩm quyền đánh giá, thẩm định và phê duyệt. Tại thời điểm 01/7/2016, cả nước có 34 đơn vị cấp huyện có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Đời sống dân cư nông thôn tiếp tục được cải thiện

Tại thời điểm 01/7/2016, bình quân 100 hộ có 1,44 ô tô; 11,61 máy giặt; 65,36 tủ lạnh và tủ đá; 129,26 xe máy. Tỷ lệ hộ sử dụng điện chiếm trong tổng số hộ nông thôn tăng từ 98,0% năm 2011 lên 99,2% năm 2016, trong đó tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia tăng từ 96,4% lên 98,4%. Tỷ lệ hộ sử dụng nước máy để ăn uống tăng từ 13,2% lên 22,1%. Năm 2016 có gần 5,06 triệu hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn nông thôn, chiếm 31,6% tổng số hộ.

Dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu của dân cư nông thôn được tăng cường. Số bác sĩ của trạm y tế bình quân 1 vạn dân khu vực nông thôn tăng từ 1,12 người năm 2011 lên gần 1,37 người năm 2016. Tỷ lệ số thôn có nhân viên y tế hoặc nữ hộ sinh tăng từ 93,9% năm 2011 lên 97,4% năm 2016. Người có thẻ bảo hiểm y tế năm 2016 chiếm 76,4% tổng số nhân khẩu nông thôn, gấp 1,4 lần năm 2011. Vệ sinh môi trường nông thôn cũng được cải thiện đáng kể.

*Bộ máy lãnh đạo và điều kiện làm việc của chính quyền cấp xã được kiện toàn*

Tại thời điểm 01/7/2016 các xã có gần 38,5 nghìn cán bộ chủ chốt, bình quân mỗi xã có 4,3 người. Trong tổng số cán bộ xã nêu trên có 3.353 cán bộ nữ, chiếm 8,7% tổng số cán bộ chủ chốt xã và tăng 3,3 điểm phần trăm so với năm 2011.

Thành tựu nổi bật về kiện toàn bộ máy lãnh đạo xã trong những năm vừa qua là trình độ của cán bộ chủ chốt đã nâng lên đáng kể.



Tỷ lệ cán bộ có bằng cấp đại học và trên đại học tăng từ 32,3% năm 2011 lên 62,9% năm 2016. Tỷ lệ cán bộ qua các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị tăng từ 97,0% lên 99,0%. Cùng với việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, điều kiện làm việc của lãnh đạo xã cũng không ngừng được cải thiện. Năm 2016 có 85,6% số trụ sở làm việc của UBND xã được kiên cố hóa, tăng 13,2 điểm phần trăm so với năm 2011. Tỷ lệ trụ sở làm việc của UBND xã có máy vi tính đạt 99,9%, tăng 0,4 điểm phần trăm.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, kinh tế - xã hội nông thôn còn tồn tại một số mặt hạn chế. Kết cấu hạ tầng của một số địa phương vẫn còn yếu kém. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm nên kinh tế nông thôn chủ yếu vẫn là kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản. Chất lượng lao động thấp đang là trở ngại lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn nói chung và phát triển ngành mới, nghề mới tạo việc làm cho người lao động nói riêng. Kết quả xây dựng nông thôn mới chưa bền vững. Ngoài ra, đời sống một bộ phận dân cư nông thôn còn khó khăn, nhất là dân cư vùng núi, rẻo cao, vùng sâu, vùng xa.

Về tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, thành tựu nổi bật trong phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản nước ta, đó là:

*Một là, sản xuất đang được cơ cấu lại về hình thức tổ chức và quy mô sản xuất.* Quá trình cơ cấu lại sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong giai đoạn 2011-2016 thể hiện trước hết ở kết quả cơ cấu lại hình thức tổ chức sản xuất theo hướng số doanh nghiệp và số hợp tác xã tăng nhanh, số hộ ngày càng giảm mạnh. Năm 2016, cả nước có 3.846 doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản,

tăng 51,7% so với năm 2011 và cao hơn nhiều so với tốc độ tăng 18,7% của giai đoạn 2006-2011. Số hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 6.302 hợp tác xã năm 2011 lên 6.946 hợp tác xã năm 2016. Trong khi đó, số hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 10,37 triệu hộ xuống còn 9,28 triệu hộ, bình quân mỗi năm giảm 0,22 triệu hộ.

Cùng với cơ cấu lại hình thức tổ chức sản xuất, quá trình cơ cấu lại sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản còn được tiến hành theo hướng tăng cường quy mô lớn. Trong tổng số 3.846 doanh nghiệp hoạt động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, năm 2015 có 1.205 doanh nghiệp có vốn sản xuất kinh doanh từ 10 tỷ đồng trở lên, chiếm 31,3% tổng số doanh nghiệp, tăng 76,2% so với số doanh nghiệp cùng quy mô năm 2010.

Đối với hộ sản xuất, tại thời điểm 01/7/2016, lĩnh vực trồng trọt có gần 49,2 nghìn hộ sử dụng đất trồng cây hằng năm từ 5 ha trở lên, tăng 13,6% so với năm 2011; 39,5 nghìn hộ sử dụng đất trồng cây lâu năm từ 5 ha trở lên, tăng 15,0%.

*Hai là, ruộng đất được tích tụ với khâu đột phá là dồn điền đổi thửa và xây dựng cánh đồng lớn.* Tính đến 01/7/2016, cả nước có 2.294 xã tiến hành dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp, chiếm 25,6% tổng số xã. Nhờ dồn điền đổi thửa nên diện tích bình quân một thửa đất sản xuất nông nghiệp tính chung cả nước đã tăng từ 1.619,7 m<sup>2</sup> năm 2011 lên 1.843,1 m<sup>2</sup> năm 2016.

Mô hình cánh đồng lớn xuất hiện và ngày càng được nhân rộng ở nhiều địa phương. Tính đến 01/7/2016, cả nước đã xây dựng được 2.262 cánh đồng lớn; trong đó, 1.661 cánh đồng lúa; 162 cánh đồng rau; 95 cánh đồng mía; 50 cánh đồng ngô; 38 cánh đồng

chè búp và 256 cánh đồng lớn trồng các loại cây khác.

*Ba là, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị có bước phát triển mới.*

Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản qua kết quả Tổng điều tra năm 2016 được biểu hiện trước hết ở việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP). Tại thời điểm điều tra, cả nước có 1.495 đơn vị được cấp chứng nhận VietGAP và tương đương; trong đó, 540 đơn vị là hộ cá thể, chiếm 36,1% tổng số đơn vị được cấp chứng nhận; 551 nhóm liên kết, chiếm 36,9%; 199 hợp tác xã, chiếm 13,3%; 200 doanh nghiệp, chiếm 13,4% và 5 đơn vị thuộc loại hình khác, chiếm 0,3%.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản còn thể hiện qua số liệu về cơ giới hóa. Chỉ tính riêng 14 loại thiết bị, máy móc chủ yếu phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của hộ, năm 2016 có trên 7,3 triệu chiếc, tăng 74,0% so với năm 2011.

Bên cạnh việc tăng cường áp dụng Quy trình VietGAP và cơ giới hóa sản xuất, trong những năm vừa qua, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản còn đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Năm 2016, cả nước có 781 doanh nghiệp thực hiện liên kết, chiếm 20,3% tổng số doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản; 2.469 hợp tác xã thực hiện liên kết, chiếm 35,5% tổng số hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản. Ngoài ra, năm 2016 còn có 25,3 nghìn hộ tham gia liên kết sản xuất với các đơn vị được cấp chứng nhận VietGAP và 619,3 nghìn hộ tham gia liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn.

(Xem tiếp trang 31)



đã đề ra chương trình “Hỗ trợ sinh kế cho NKT, trẻ mồ côi tại xã xây dựng nông thôn mới” với mong muốn mở ra hướng đi mới trong công tác trợ giúp NKT.

Mặc dù công tác dạy nghề và hỗ trợ việc làm cho NKT đã được kết quả khả quan, song trên thực tế, số NKT được đào tạo nghề và có việc làm sau đào tạo vẫn còn hạn chế, trong khi nhu cầu còn rất lớn. Hầu hết lao động là NKT làm những công việc giản đơn, điều kiện sản xuất khắc nghiệt, việc làm không ổn định, năng suất lao động thấp... Trong tổng số 7,2 triệu NKT của cả nước, có tới 61% NKT trong độ tuổi lao động, trong đó có 40% còn khả năng lao động, nhưng trong số này chỉ có 30% đang tham gia lao động tạo thu nhập cho bản thân và gia đình, họ chủ yếu làm các nghề nông – lâm – ngư nghiệp, có thu nhập rất thấp so với các công việc khác. Một trong những nguyên nhân khiến cho NKT gặp trở ngại trong quá trình tìm việc làm là do trình độ học vấn của NKT còn hạn chế. Cả nước có tới hơn 41% số người khuyết tật từ 6 tuổi trở lên không biết chữ và chỉ có 19,5% có trình độ tốt nghiệp phổ thông cơ sở trở lên. Công tác đào tạo nghề cho NKT gặp nhiều khó khăn là do có chi phí cao hơn so với dạy nghề thông thường, trong khi cơ chế thị trường lại hướng tới mục tiêu lợi nhuận.

Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhận NKT vào làm việc chưa thực sự hiệu quả. Nhiều NKT vấp phải sự phân biệt đối xử, thậm chí là kỳ thị trong quá trình xin việc. Trong khi đó nhiều địa phương còn khó khăn, chưa có các chính sách riêng hỗ trợ giải quyết việc làm cho NKT.

Để hoạt động hỗ trợ dạy nghề và tạo cơ hội việc làm cho NKT hiệu quả hơn, Việt Nam cần có các giải pháp, hoạt động trợ giúp NKT mạnh mẽ hơn trong thời gian tới, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong vấn đề này. Một trong những việc làm đầu tiên là cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách về NKT, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung những quy định dạy nghề và việc làm không phù hợp. Công tác dạy nghề, tạo việc làm cho NKT cần phù hợp với từng đối tượng có những dạng tật khác nhau. Đặc biệt, Việt Nam cần có một chế tài đủ mạnh đối với những doanh nghiệp không thực hiện quy định của pháp luật về tiếp nhận lao động khuyết tật cũng như cần có bộ máy giám sát việc thực hiện này. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong nước cần nhìn nhận năng lực thực sự của NKT, mở lòng hơn, tạo cho NKT cơ hội bình đẳng trong tuyển dụng, không có sự phân biệt. /.

## KẾT QUẢ CHÍNH THỨC...

(Tiếp theo trang 23)

*Bốn là, kinh tế trang trại tiếp tục phát triển có hiệu quả.*

Trong giai đoạn 2011-2016, kinh tế trang trại phát triển với tốc độ nhanh. Tại thời điểm 01/7/2016, có 33,5 nghìn trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 67,2% so với năm 2011, bình quân mỗi năm tăng 10,8%. Số trang trại nêu trên đã sử dụng 175,8 nghìn ha đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 13,5% so với năm 2011. Tính ra năm 2016, bình quân một trang trại sử dụng 5,2 ha. Năm 2016, tổng số lao động thường xuyên của trang trại đạt 135,5 nghìn người, tăng 43,2% so với năm 2011, bình quân mỗi năm tăng 7,4%.

Về hiệu quả, ngoài tạo việc làm cho hàng vạn lao động, các trang trại còn sản xuất ra một khối lượng lớn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Tổng giá trị nông, lâm, thủy sản theo giá hiện hành thu được trong 12 tháng trước thời điểm 01/7/2016 của các trang trại đạt 92,3 nghìn tỷ đồng, gấp 2,4 lần năm 2011; giá trị sản phẩm, dịch vụ nông, lâm, thủy sản bán ra đạt 91,2 nghìn tỷ đồng, gấp 2,4 lần. Nếu loại trừ yếu tố giá thì giá trị thu từ nông, lâm, thủy sản trong 5 năm 2011-2016 tăng 126,1%, bình quân mỗi năm tăng 17,7%; giá trị sản phẩm và dịch vụ nông, lâm, thủy sản bán ra tăng 128,8%, bình quân mỗi năm tăng 18,0%.

Có thể nói, trong những năm vừa qua, mặc dù sản xuất được cơ cấu lại theo hướng mở rộng quy mô, nhưng sản xuất nhỏ vẫn phổ biến. Đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa sản xuất còn hạn chế. Hiệu quả của hầu hết các loại hình tổ chức sản xuất, các ngành, các lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản nhìn chung vẫn thấp.

Những hạn chế nêu trên đang là thách thức lớn đối với quá trình phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tuy nhiên, bên cạnh khó khăn, thách thức còn có thuận lợi và cơ hội, đặc biệt là kinh nghiệm đã tích lũy được. Với sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Chính phủ và các cấp, các ngành, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của nhân dân, thành tựu đạt được trong hơn 30 năm đổi mới nói chung và 5 năm 2011-2016 nói riêng sẽ được phát huy; khó khăn, thách thức đang tồn tại sẽ được xử lý, khắc phục, đưa nông thôn, nông nghiệp nước ta tiếp tục phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. /.

*(Lược trích Thông cáo báo chí kết quả chính thức TĐT Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2016 của TCTK)*